

Mẫu số 03 - Phụ lục VII

VẬN ĐƠN CHỦ (MASTER BILL OF LADING DECLARATION)	
1. Mã Hãng vận chuyển (Operator code or Carrier Code):	2. Số hiệu chuyến bay (Flight Number):
3. Số vận đơn chủ (Airway Bill Number):	4. Ngày phát hành vận đơn chủ (Issuing Date):
5. Người vận chuyển/người gửi hàng trên vận đơn chủ (Name of shipper/consignor):	6. Người nhận hàng trên vận đơn chủ (Name of consignee):
7. Người được thông báo vận đơn chủ (Name of consignee):	8. Mã Cảng/sân bay khởi hành (Port of departure):
9. Mã Cảng, sân bay hạ cánh đầu tiên (To):	10. Mã Cảng đích trên vận đơn (Airport of Destination):
11. Mô tả hàng hóa trên vận đơn chủ (Manifest Description Nature of Goods):	12. Phân loại mặt hàng (Good Classification):
13. Số lượng kiện hàng hóa trên vận đơn chủ (Number of Pieces):	14. Trọng lượng (Weight):
15. Loại container (Unit Load Device):	16. Cước phí vận chuyển (Freight):
17. Tiền tệ (Currency):	18. Hình thức trả cước phí (Payment Method):
19. Phương thức thanh toán cước phí (Charges code):	20. Trị giá khai báo hải quan (Declared Value for Customs):

....., ngày (date) tháng (month) ... năm(year).. ..

NGƯỜI KHAI HẢI QUAN (SIGNATURE OF DECLARANT)